

Số: 56/2014/TT-BCT

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự
kiểm tra hợp đồng mua bán điện**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về:

- a) Phương pháp xác định giá phát điện và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- a) Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện đấu nối với hệ thống điện quốc gia có tổng công suất lắp đặt trên 30MW, các nhà máy điện có công suất lắp đặt từ 30MW trở xuống tự nguyện tham gia thị trường điện, trừ các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, các nhà máy điện độc lập được đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) và các nhà máy điện sử dụng năng lượng mới tái tạo (gió, địa nhiệt, thủy triều và sinh khối);

Các nhà máy điện khác khi chưa có cơ chế riêng do Bộ Công Thương quy định thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

b) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bên bán* là Đơn vị phát điện được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện.

2. *Bên mua* là Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. *Chủ đầu tư* là tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư dự án nhà máy điện.

4. *Công suất tính* là công suất lắp đặt quy đổi về vị trí đo đếm phục vụ cho việc thanh toán mua bán điện giữa Bên bán và Bên mua (kW).

5. *Điện năng giao nhận* là toàn bộ điện năng Bên bán giao cho Bên mua tại các vị trí đo đếm phục vụ cho việc thanh toán mua bán điện giữa Bên bán và Bên mua (kWh).

6. *Đơn vị phát điện* là đơn vị sở hữu một hoặc nhiều nhà máy điện.

7. *Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia* là Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0).

8. *Tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt lần đầu* là tổng mức đầu tư kèm theo thiết kế cơ sở lần đầu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc các văn bản thay thế.

9. *Vốn đầu tư được quyết toán* là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác sử dụng, được quyết toán và kiểm toán theo đúng các quy định của Nhà nước. Chi phí hợp pháp là chi phí được thực hiện trong phạm vi thiết kế, dự toán đã phê duyệt kể cả phần điều chỉnh, bổ sung, đúng với hợp đồng đã ký kết, phù hợp với các quy định của pháp luật. Vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc được điều chỉnh) theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. *Năm cơ sở* là năm xác định Tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt lần đầu hoặc Vốn đầu tư được quyết toán.

11. *Nhà máy điện mới* là nhà máy điện chưa ký hợp đồng mua bán điện lần đầu.

12. *Các nhà máy điện khác* bao gồm nhà máy điện bán phần điện năng sản xuất dư cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ

trợ hệ thống điện, nhà máy nhiệt điện bị giới hạn về cung cấp nhiên liệu chính ảnh hưởng lớn đến khả năng phát điện.

13. *Hai bên* là Bên bán và Bên mua trong hợp đồng mua bán điện.

14. *Hợp đồng mua bán điện mẫu* là hợp đồng mẫu áp dụng cho việc mua bán điện của từng nhà máy điện quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này.

15. *Suất tiêu hao nhiên liệu tính* là khối lượng nhiên liệu tiêu hao để sản xuất một kWh điện năng tại điểm giao nhận (kg/kWh).

16. *Suất hao nhiệt tính* là lượng nhiệt tiêu hao để sản xuất một kWh điện năng tại điểm giao nhận (BTU/kWh hoặc kJ/kWh hoặc kcal/kWh).

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG GIÁ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Mục 1

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN CHO NHÀ MÁY ĐIỆN MỚI

Điều 3. Nguyên tắc xác định giá hợp đồng mua bán điện

1. Giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện được xây dựng trên cơ sở:

a) Chủ đầu tư chi trả các khoản chi phí hợp lý toàn bộ đời sống kinh tế dự án;

b) Tỷ suất sinh lợi nội tại về tài chính (IRR) không vượt quá 12%.

2. Giá hợp đồng mua bán điện của máy nhiệt điện được tính bằng đồng/kWh, bao gồm hai thành phần sau:

a) Giá phát điện: do hai bên thỏa thuận trong Năm cơ sở và không được vượt quá khung giá phát điện của máy nhiệt điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt trong Năm cơ sở, giá phát điện được xây dựng theo phương pháp quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Giá vận chuyển nhiên liệu chính: do hai bên thỏa thuận trong Năm cơ sở và được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy thủy điện là giá phát điện được tính bằng đồng/kWh, giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy thủy điện do hai bên thỏa thuận trong Năm cơ sở và không được vượt quá khung giá phát điện của nhà máy thủy điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt trong Năm cơ sở. Giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy thủy điện được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 9 Thông tư này.

4. Giá hợp đồng mua bán điện chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng, phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn (áp dụng đối với nhà máy nhiệt điện), chi phí đầu tư đường dây truyền tải và các khoản thuế, phí khác theo quy định của Nhà nước (trừ các khoản thuế, phí đã được tính trong phương án giá điện).

5. Sau khi xác định được Vốn đầu tư được quyết toán, bên bán có trách nhiệm gửi cho bên mua hồ sơ liên quan đến Vốn đầu tư được quyết toán. Bên bán hoặc bên mua có quyền yêu cầu xác định lại giá hợp đồng mua bán điện theo các nguyên tắc sau:

a) Bên bán hoặc bên mua có văn bản đề nghị Cục Điều tiết điện lực có ý kiến về việc hai bên đàm phán lại giá điện và Hợp đồng mua bán điện theo Vốn đầu tư được quyết toán. Hồ sơ đề nghị gửi Cục Điều tiết điện lực thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư này;

b) Sau khi Cục Điều tiết điện lực có ý kiến, bên bán và bên mua thực hiện đàm phán lại giá hợp đồng mua bán điện theo các nguyên tắc sau:

- Phương pháp xác định giá hợp đồng mua bán điện theo quy định tại Điều 4 (đối với nhà máy nhiệt điện) và Điều 9 (đối với nhà máy thủy điện) Thông tư này;

- Các thông số tính toán giá hợp đồng mua bán điện theo quy định tại Điều 4 (đối với nhà máy nhiệt điện) và Điều 9 (đối với nhà máy thủy điện) Thông tư này và được cập nhật lại cùng thời điểm xác định Vốn đầu tư được quyết toán;

- Giá phát điện nằm trong khung giá phát điện của năm lập Vốn đầu tư được quyết toán;

- Giá phát điện áp dụng từ ngày vận hành thương mại của nhà máy, giá từng năm thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, không thực hiện điều chỉnh giá phát điện từng năm của các năm trước thời điểm hai bên ký kết hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán điện theo giá điện xác định trên cơ sở Vốn đầu tư được quyết toán.

Điều 4. Phương pháp xác định giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy nhiệt điện

Giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy nhiệt điện Năm cơ sở P_C^{ND} (đồng/kWh) được xác định theo công thức sau:

$$P_C^{ND} = P_G + P_b^{VC}$$

1. P_G (đồng/kWh) là giá phát điện Năm cơ sở và được xác định theo công thức sau:

$$P_G = FC + FOMC_b + VC_b$$

Trong đó:

FC: Giá cố định bình quân được xác định theo quy định tại Điều 5 Thông tư này (đồng/kWh);

FOMC_b: Giá vận hành và bảo dưỡng cố định Năm cơ sở được hai bên thỏa thuận theo quy định tại Điều 6 Thông tư này (đồng/kWh);

VC_b: Giá biến đổi Năm cơ sở được xác định theo quy định tại Điều 7 Thông tư này (đồng/kWh).

Giá phát điện (P_G) không vượt quá khung giá phát điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành. Trường hợp nhà máy nhiệt điện có công suất khác với công suất của Nhà máy điện chuẩn nhưng ở trong phạm vi $\pm 10\%$ công suất của Nhà máy điện chuẩn, áp dụng khung giá của Nhà máy điện chuẩn gần nhất, có cùng công nghệ, có cùng số tổ máy.

Đối với các nhà máy nhiệt điện có tổng công suất từ 200MW trở xuống và các nhà máy nhiệt điện có công suất khác vượt ngoài phạm vi $\pm 10\%$ công suất của Nhà máy điện chuẩn, giá phát điện được xác định cho từng trường hợp cụ thể theo phương pháp quy định tại Chương này tương ứng với các thông số quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này.

2. P_b^{VC} (đồng/kWh) là giá vận chuyển nhiên liệu chính Năm cơ sở được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Chi phí chạy thử, nghiệm thu của nhà máy nhiệt điện:

a) Đối với chi phí chạy thử nghiệm thu trước giai đoạn nhà máy nhiệt điện vận hành thương mại: hai bên thỏa thuận trên cơ sở Tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt lần đầu.

b) Đối với chi phí chạy thử nghiệm thu phát sinh sau giai đoạn nhà máy nhiệt điện vận hành thương mại: Bên mua có trách nhiệm thanh toán chi phí nhiên liệu cho Bên bán theo quy định.

Điều 5. Phương pháp xác định giá cố định bình quân của nhà máy nhiệt điện

1. Giá cố định bình quân của nhà máy nhiệt điện (FC) được xác định trên cơ sở phân tích tài chính của dự án theo các Biểu mẫu 1 và Biểu mẫu 2 quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này với tỷ suất sinh lợi nội tại về tài chính (IRR) không vượt quá 12%. Các thông số đầu vào để xây dựng giá cố định bình quân của nhà máy nhiệt điện (FC) được xác định theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều này.

2. Thông số đầu vào chính được sử dụng trong tính toán giá cố định bình quân của nhà máy nhiệt điện (FC):